

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/DS-ST

Ngày: 20/8/2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Anh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Công;

2. Bà Kơ Ria Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quốc Tuấn - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Đạt Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1979; Địa chỉ: 96 T, tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Hồng T: ông Dương Văn Vũ, sinh năm: 1973, địa chỉ: 177, tổ dân phố Lâm Tuyên 2, thị trấn D’ran, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng – là người đại diện theo ủy quyền (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Đình Ca D, sinh năm: 1984; Địa chỉ: 04 đường THĐ, Tổ dân phố Đ, thị trấn D, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Dương Văn Vũ trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn có quen biết với nhau. Bà T có cho bị đơn là Nguyễn Đình Ca D vay tiền nhiều lần. Đến ngày 11/6/2020, do bị đơn không trả được các khoản nợ trước đó nên giữa bà T và bà D thống nhất bà D còn nợ bà T số tiền 236.000.000đ. Bà D hứa sẽ trả nợ

theo hình thức góp dần cho bà T cho đến khi hết nợ bắt đầu từ ngày 12/6/2020. Tuy nhiên cho đến nay đã hơn 01 năm nhưng bà D vẫn chưa trả nợ cho bà T khoản tiền nào mặc dù bà T đã yêu cầu bà D trả nợ nhiều lần. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D trả cho bà T số tiền nợ gốc 236.000.000đ và chỉ yêu cầu bà D trả tiền lãi cho bà T 23.500.000đ chỉ tính trong 12 tháng. Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Bị đơn bà Nguyễn Đình Ca D trình bày: bà thừa nhận trước đây có vay tiền của bà T nhiều lần. Cho đến ngày 29/3/2020, sau khi tính toán thì bà chỉ còn bà T 256.300.000đ nhưng trong khoản tiền này có 80.000.000đ bà nhận trả nợ cho bà T thay cho một người bạn tên Khuyên. Bà, bà T và bà Khuyên đã thống nhất việc này. Sau đó bà trả nợ dần cho bà T đến ngày 11/6/2020 còn nợ 236.000.000đ thì không thể trả nợ được nữa nên đã viết giấy xác nhận còn nợ bà T 236.000.000đ. Bà thỏa thuận với bà T bà sẽ trả nợ dần từ ngày 12/6/2020 theo hình thức khi có tiền nhiều thì có thể trả cho bà T 5.000.000đ, nếu có ít tiền thì trả 500.000đ đến 1.000.000đ tùy vào thời điểm có ít hay nhiều tiền nhưng cho đến nay bà vẫn chưa trả được nợ cho bà T vì làm ăn khó khăn. Nay bà cho rằng do những khoản tiền bà nợ bà T trước thời điểm 11/6/2020 bà đã trả lãi cho bà T khoản hơn 76.000.000đ nên bà đề nghị bà T xóa cho số tiền 76.000.000đ. Ngoài ra trong số tiền 236.000.000đ còn nợ thì có khoản tiền 80.000.000đ bà hứa trả cho bà T thay cho bà Khuyên nhưng hiện nay do bà T khởi thì bà không trả cho bà T nữa và đề nghị bà T liên hệ đòi bà Khuyên. Bà chỉ chấp nhận trả cho bà T số tiền 80.000.000đ. Ngoài ra bà không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vấn đề nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” đối với bị đơn bà Nguyễn Đình Ca D. Buộc bà Nguyễn Đình Ca D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền gốc 236.000.000đ, tiền lãi và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Đình Ca D phải trả số tiền nợ vay 236.000.000đ và tiền lãi 23.500.000đ. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn D’ran, huyện Đơn Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản

1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét việc bà Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu bà Nguyễn Đình Ca D trả số tiền nợ gốc 236.000.000đ thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Hồng T cho rằng bà Nguyễn Đình Ca D còn nợ của bà số tiền vay 236.000.000đ. Do bà D không thực hiện đúng cam kết trả nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu bà D trả 236.000.000đ. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà T xuất trình giấy vay tiền ngày 11/6/2020 thể hiện bà D có nợ của bà số tiền 236.000.000đ. Bà D thừa nhận có viết giấy nợ cho bà T số tiền 236.000.000đ vào ngày 11/6/2020 và hứa trả dần cho bà T số tiền này từ ngày 12/6/2020. Tuy nhiên bà cho rằng nguồn gốc số nợ này không phải bà vay 01 lần mà trước đây bà vay của bà T nhiều lần và đã trả dần cho bà T. Cho đến 29/3/2020, bà xác nhận còn nợ của bà T 256.300.000đ trong đó có khoản tiền 80.000.000đ bà nhận trả nợ cho bà T thay cho bà Khuyên (là bạn của bà). Sau đó bà đã trả dần cho bà T và còn nợ của bà T 236.000.000đ nên đã viết giấy nợ cho bà T ngày 11/6/2020. Bà cho biết trước khi chốt lại số nợ 256.300.000đ thì những khoản tiền bà T cho bà vay với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày và số tiền lãi bà đã trả cho bà T cũng hơn 76.000.000đ. Do vậy bà đề nghị bà T giảm nợ cho bà số tiền 76.000.000đ bà cho là tiền lãi đã trả cho bà T. Bà chỉ đồng ý trả cho bà T 80.000.000đ. Riêng số tiền 80.000.000đ bà nhận trả nợ cho bà T thay bà Khuyên bà không đồng ý trả. Xét những lời trình bày của bà D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về số tiền 80.000.000đ trong tổng số 256.300.000đ bà D đồng ý trả nợ thay cho bà Khuyên: Bà D thừa nhận bà, bà T và bà Khuyên cùng thống nhất để bà D trả cho bà T số tiền 80.000.000đ và đã được bà T đồng ý. Khoản 1 Điều 370 Bộ luật dân sự quy định: *“Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý...”* và tại khoản 2 Điều 370 Bộ luật dân sự quy định: *“Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ”*. Việc và D tự nguyện trả nợ cho bà T thay bà Khuyên là hoàn toàn tự nguyện nên việc bà T yêu cầu bà D trả số tiền 80.000.000đ là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định tại điều 370 Bộ luật dân sự. Hơn nữa, sau khi xác nhận với bà T số nợ 256.300.000đ thì bà D cũng đã tự nguyện trả dần cho bà T và chỉ còn nợ bà T 236.000.000đ mà không có tranh chấp gì với bà T hay bà Khuyên. Do đó, bà D không đồng ý trả cho bà T 80.000.000đ bà đã nhận trả nợ thay cho bà Khuyên là không có căn cứ để xem xét giải quyết.

Về số tiền 76.000.000đ bà D đề nghị bà T giảm nợ: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn cho biết bà T chỉ cho bà D vay làm ăn ngắn hạn, không có mức lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày như bà D trình bày. Toàn bộ số tiền còn nợ 236.000.000đ đều là nợ gốc. Do bà D không trả nợ dần cho bà T theo thỏa thuận nên bà T mới khởi kiện yêu cầu bà D trả nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh trước đây bà T cho bà vay với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày. Bà cũng chỉ ước lượng bà đã

trả lãi cho bà T khoảng 76.000.000đ mà không chứng minh được đã trả cho bà T bao nhiêu tiền lãi trong khi bà vẫn thừa nhận cho đến ngày 29/3/2020 bà còn nợ của bà T 256.300.000đ là tiền nợ gốc. Do vậy, việc bà yêu cầu bà T giảm số tiền 76.000.000đ không có căn cứ để xem xét.

Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ và cần buộc bà Nguyễn Đình Ca D phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền nợ gốc 236.000.000đ.

Về thời hạn của hợp đồng, theo văn bản xác nhận nợ ngày 11/6/2020 bà D cam kết sẽ trả dần cho bà T số tiền 236.000.000đ bắt đầu từ ngày 12/6/2020. Tuy nhiên cho đến nay bà D vẫn chưa trả nợ cho bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xác định thời hạn đây là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và thời hạn trả nợ bắt đầu từ 12/6/2020 và không có lãi.

[2.2] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Hồng T về việc buộc bà Nguyễn Đình Ca D trả số tiền lãi 23.500.000đ (10%/năm) thấy rằng: Theo văn bản xác nhận nợ ngày 11/6/2020 các bên đương sự xác định thời hạn trả nợ bắt đầu từ ngày 12/6/2020 nhưng không có thỏa thuận trả lãi. Tuy nhiên, bắt đầu từ ngày 12/6/2020 phát sinh nghĩa vụ trả nợ nhưng bà D không trả nợ nên Hội đồng xét xử thấy rằng bà D đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ ngày 12/6/2020 cho đến nay theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật dân sự. Theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự quy định: “...nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này” (10%/năm). Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà T chỉ yêu cầu bà D trả số tiền lãi của 12 tháng 23.500.000đ. Xét mức lãi suất và số tiền lãi bà T yêu cầu không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 nên cần chấp nhận và buộc bà D phải thanh toán cho bà T số tiền lãi 23.500.000đ là phù hợp.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng T, buộc bà Nguyễn Đình Ca D phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T 259.500.000đ (Trong đó, tiền nợ gốc là 236.000.000đ và tiền lãi là 23.500.000đ) là phù hợp với quy định tại các Điều 280, khoản 1, khoản 2 Điều 357, Điều 463, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T được chấp nhận nên buộc bị đơn bà Nguyễn Đình Ca D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 và các Điều 146, 147, 175, 177, 179, 207, 220, 227, 228, 262, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 357, Điều 370, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 470, của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 12; khoản 1, khoản 2 Điều

26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T đối với bị đơn bà Nguyễn Đình Ca D. Buộc bà Nguyễn Đình Ca D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền 259.500.000đ (*Hai trăm năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng*). Trong đó, tiền nợ gốc là 236.000.000đ và tiền lãi là 23.500.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. *Về án phí*: Buộc bà Nguyễn Đình Ca D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.975.000đ. Bà Nguyễn Thị Hồng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.075.000đ (ông Dương Văn Vũ nộp thay) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0006539 ngày 14/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương

3. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Đình Anh Vũ